TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2025/DS-ST ngày 05/5/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2025/QĐXXST-DS ngày 27/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 15/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: 2 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tổ chức nhận ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1); địa chỉ: B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024.

Người đại diện hợp pháp của Công ty S1: Ông Nguyễn Minh T – chức vụ: Nhân viên Công ty S1. Là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 237/2025/UQ-TGĐ ngày 20/01/2025. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Phan Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: 48, tổ B, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là 48, tổ B, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ tạm trú: 1 T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là 1 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2025, bản tự khai ngày 27/6/2025, ngày 31/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Phan Văn H có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi chung là Hợp đồng) ngày 06/9/2018 với nội dung hợp đồng như sau: loại thẻ là JCB Jspeedy Cre C – KH Vay-Phi RTM, số thẻ 356480-6155, hạn mức 17.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 2.766%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng thì ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.696.584 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 58.800.331 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Hợp đồng cả hai đã ký kết. Tuy nhiên, tiếp sau đó ông H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẫn tránh, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng nên ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn như quy định tại Điều 23 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng có đơn khởi kiện ông H, yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn với số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 44.724.164 đồng, trong đó nợ gốc 20.401.972 đồng, nợ lãi quá hạn 24.322.192 đồng. Kể từ ngày 01/8/2025, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi trả xong tiền nợ cho nguyên đơn.

Đối với bị đơn ông Phan Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai cho ông H biết để ông H đến Toà án làm việc, hoà giải, xét xử về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H không đến Toà án và cũng không có ý kiến gửi Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình vay tín dụng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông H có địa chỉ tạm trú: 1 T,

phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là 1 T, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phan Văn H đã được triệu tập và niêm yết công khai thông tin để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử tất cả vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai để triệu tập bị đơn tham gia hoà giải, xét xử để giải quyết vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn ông Phan Văn H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 06/9/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Phan Văn H ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi chung là Hợp đồng), với nội dung hợp đồng như sau: loại thẻ là JCB Jspeedy Cre C – KH Vay-Phi RTM, số thẻ 356480-6155, hạn mức 17.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 2.766%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng này, được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Phan Văn H, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã kích hoạt thẻ cho ông H và quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 58.800.331 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Hợp đồng cả hai đã ký kết. Nhưng sau đó ông H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho Ngân hàng nữa và cố tình lẫn tránh, do đó ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng. Dẫn đến quyền lợi của Ngân hàng bị ảnh hưởng nên ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn như quy định tại Điều 23 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết là phù hợp. Vì lẽ trên, Ngân hàng khởi kiện ông H, yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 96, 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều: 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Phan Văn H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 44.724.164 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 20.401.972 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng) và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2025 là 24.322.192 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, một trăm chín mươi hai đồng).

- Ông Phan Văn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông H trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 977.730 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008187 ngày 29/4/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Ông Phan Văn H phải chịu án phí sơ thẩm 2.236.208 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ tám đồng).

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA DS thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân